TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **07**/2020/DS-ST Ngày 13-3-2020 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hương

2. Ông Trần Thanh Hải

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Châu Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 437/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2020 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. <u>*Nguyên đơn*</u>: Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: Phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Chị Trần Thị T, sinh năm 1996; cư trú tại: phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20/10/2019). (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

2. <u>*Bị đơn*</u>: Ông Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1967; cư trú tại: phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (Vắng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 10 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày:

- Ngày 02/4/2015, ông Nguyễn Hoàng Đ có ký hợp đồng tín dụng số 20150402-104015-0001 với Ngân hàng TMCP V để vay tiêu dùng cá nhân với

số tiền là 33.531.601 đồng; lãi suất thỏa thuận là 3,75%/tháng. Thời gian trả chậm chia đều trong vòng 36 tháng, với tổng số tiền phải trả cả gốc và lãi phát sinh là 61.630.000 đồng; 35 tháng đầu mỗi tháng ông Đ phải trả là: 1.713.000 đồng và tháng thứ 36 ông Đ phải trả là 1.675.000 đồng.

- Thực hiện hợp đồng tín dụng trên, ông Đ đã nhận đủ số tiền trên, nhưng chỉ thanh toán cho Ngân hàng 13 kỳ với số tiền là 22.257.000 đồng; từ ngày 10/8/2016 cho đến nay ông Đ không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào cho Ngân hàng.

- Nay, Ngân hàng yêu cầu ông Đ phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền là: 39.373.000 đồng (trong đó nợ gốc là: 26.087.119 đồng và nợ lãi là: 13.285.881 đồng); yêu cầu ông Đ tiếp tục phải trả lãi trên dư nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông Đ trả xong nợ.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Hoàng Đ đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một để làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông Đ được.

Tại phiên tòa,

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Trần Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn là ông Nguyễn Hoàng Đ vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Về đương sự thì nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn con đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt tất các đương sự là phù hợp với Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ pháp luật*: Ngày 20 tháng 10 năm 2019, Ngân hàng TMCP V (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Đ phải thanh toán toàn bộ khoản nợ còn thiếu theo hợp đồng tín dụng số 20150402-104015-0001 đã ký giữa ông Đ với Ngân hàng ngày 02/4/2015 là: 39.373.000 đồng (trong đó nợ gốc là: 26.087.119 đồng và nợ lãi là: 13.285.881 đồng) nên đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại Điều 94 của Luật Các tổ chức tín dụng Việt Nam.

[1.2]. *Về thẩm quyền*: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn ông Nguyễn Hoàng Đ đang cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T.

[1.3]. *Về sự tham gia phiên tòa của đương sự*: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị Trần Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Hoàng Đ vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập đến tham dự phiên tòa lần thứ hai; vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một vẫn tiến hành xét xử để giải quyết vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 02/4/2015, ông Nguyễn Hoàng Đ và Ngân hàng ký "Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng" số 20150402-104015-0001, theo đó Ngân hàng cho ông Đ vay tiêu dùng cá nhân với số tiền là 33.531.601 đồng; lãi suất thỏa thuận là 3,75%/tháng. Thời gian trả chậm chia đều trong vòng 36 tháng, với tổng số tiền phải trả cả gốc và lãi phát sinh là 61.630.000 đồng; 35 tháng đầu mỗi tháng ông Đ phải trả là: 1.713.000 đồng và tháng thứ 36 ông Đ phải trả là 1.675.000 đồng. Như vậy, việc ký đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng giữa các bên là tự nguyện, các nội dung trong hợp đồng đúng quy định tại Điều 91, Điều 94 của Luật Các tổ chức tín dụng và Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận nên hợp đồng có giá trị thi hành đối với các bên.

[3]. Trước khi ký ký "Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng" số 20150402-104015-0001 ngày 02/4/2015, ông Đ đã ký hợp đồng tín dụng số 20140301-500000-0004 ngày 27/02/2014 và còn thiếu Ngân hàng 24 kỳ chưa trả với số tiền là 13.534.858 đồng. Vì vậy, khi ký "Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng" số 20150402-104015-0001 để vay số tiền 33.531.601 đồng thì ông Đ phải trả nợ cũ với số tiền là 13.534.858 đồng và 1.050.000 đồng tiền trả nợ trước hạn. Theo bảng sao kê thì Ngân hàng đã chuyển vào tài khoản của ông Đ số tiền là 18.400.000 đồng. Như vậy, có cơ sở xác định ông Đ đã nhận đủ số tiền 33.531.601 đồng theo "Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng" số 20150402-104015-0001 ngày 02/4/2015.

[4]. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ chỉ thanh toán cho Ngân hàng 13 kỳ với số tiền là 22.257.000 đồng; từ ngày 10/8/2016 cho đến nay, không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ông Đ có thanh toán cho Ngân

hàng thêm bất kỳ khoản nào khác. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông Đ phải thanh toán số tiền còn thiếu là: 39.373.000 đồng (trong đó nợ gốc là: 26.087.119 đồng và nợ lãi là: 13.285.881 đồng) là có cơ sở nên được chấp nhận.

[5]. Đối với yêu cầu tính lãi trên số nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả xong nợ: Xét thấy, kỳ trả nợ cuối cùng theo "Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng" số 20150402-104015-0001 ngày 02/4/2015 là ngày 02/4/2018, tuy nhiên từ ngày 10/8/2016 ông Đ đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận và còn thiếu số tiền gốc là 26.087.119 đồng, lẽ ra từ ngày 02/4/2018 ông Đ tiếp tục phải trả lãi trên nợ gốc cho đến khi trả xong nợ, nhưng Ngân hàng chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày xét xử sơ thẩm nên được chấp nhận.

[6]. Tại tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T là có cơ sở.

[7]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông Đ phải nộp án phí trên số tiền phải trả cho Ngân hàng là 39.373.000 đồng, với số tiền án phí là: 39.373.000 đồng x 5% = 1.968.650 đồng; Ngân hàng không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 91, Điều 94, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng Đ về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

1.1. Buộc ông Nguyễn Hoàng Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền gốc và lãi phát sinh theo "Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng" số 20150402-104015-0001 ngày 02/4/2015 là: 39.373.000 đồng (ba mươi chín triệu ba trăm bảy mươi ba ngàn đồng).

1.2. Ông Nguyễn Hoàng Đ tiếp tục phải trả lãi trên số nợ gốc cho Ngân hàng TMCP V theo lãi suất thỏa thuận trong "Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng" số 20150402-104015-0001 ngày 02/4/2015 kể từ ngày 14/3/2020 cho đến khi trả xong nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Nguyễn Hoàng Đ phải nộp 1.968.650 đồng (một triệu chín trăm sáu mươi tám ngàn sáu trăm năm mươi đồng).

2.2. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 984.000 đồng (chín trăm tám

mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0041177 ngày 16/12/2019.

3. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố TDM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Vọng